TAND HUYỆN YÊN ĐỊNH **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 04-7-2019

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hoàng

- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Bà Hoàng Thị Thu

2. Ông Lưu Thế Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nương - Thư ký Tòa án, TAND huyện Yên Định, Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND huyện Yên Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXX-ST ngày 19 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh LVP - Sinh năm: 1982

Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị TTL - Sinh năm: 1985

ĐKHKTT: Thôn N, xã Y, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

Địa chỉ: Số nhà 101/43, Bình Đường 2, An Bình, Thị xã Dĩ An, Bình Dương.

Tại phiên tòa có mặt anh LVP, vắng mặt chị Lương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/4/2019 và bản tự khai ngày 16/4/2019, nguyên đơn là anh LVP trình bày: Anh và chị TTL kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng kết hôn ngày 24/7/2006 tại UBND xã Y, huyện Yên Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra đã được gia đình khuyên giải nên

vợ chồng tiếp tục sống chung được một thời gian, đến năm 2013 lại phát sinh mâu thuẫn. Sau đó chị TTL đi xuất khẩu lao động, đến năm 2016 về nước, vợ chồng vẫn không thể hòa hợp được, nên chị TTL đã bỏ đi, mang theo cháu Hằng vào nhà bố mẹ đẻ trong tỉnh Quảng Bình sinh sống, rồi đi làm ăn ở đâu không cho anh LVP biết. Mãi gần đây qua nhiều mối quan hệ, anh mới liên lạc được với chị và biết chị đang làm ăn tại Thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau.

Nay anh LVP xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Lương.

Về con chung: Anh LVP khai vợ chồng có 02 con chung, các cháu tên là LTH, sinh ngày 28/3/2007 và LVH, sinh ngày 29/5/2012. Hiện nay cháu Hiệu đang ở với anh LVP, cháu Hằng đang ở với chị TTL. Khi ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hiệu, còn chị TTL nuôi dưỡng cháu Hằng vì lâu nay cháu vẫn ở với chị, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: anh LVP xác định vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17/5/2019, bị đơn là chị TTL trình bày: Chị và anh LVP kết hôn tự nguyện, đã đăng ký kết tại UBND xã Y, huyện Yên Định vào năm 2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Giữa vợ chồng đã xảy ra cãi cọ nên không sống chung với nhau nữa, vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm gì đến nhau.

Nay anh LVP làm đơn ly hôn, chị TTL xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn anh LVP.

Về con chung: Chị TTL xác định vợ chồng có 02 con chung là LTH, sinh 2007 và LVH, sinh năm 2012. Nếu vợ chồng ly hôn, chị Lương có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Hằng, anh LVP nuôi cháu Hiệu, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Lương xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị TTL còn viết đơn đề nghị giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, anh LVP vẫn giữ nguyên quan điểm của mình và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho vợ chồng được ly hôn, đồng thời xem xét giao mỗi người nuôi một cháu, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, HĐXX đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ án.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điều 147, 228, 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Về hôn nhân: Đề nghị xử cho anh LVP được ly hôn chị Lương.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Hằng cho chị TTL trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Hiệu cho anh LVP trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Anh LVP phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị TTL là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã Y, huyện Yên Định, Thanh Hóa, hơn nữa anh LVP và chị TTL đã thống nhất chọn Tòa án Yên Định giải quyết, nên việc Tòa án nhân dân huyện Yên Định giải quyết ly hôn là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

Do chị TTL có hộ khẩu thường trú tại xã Y, huyện Yên Định, nhưng hiện nay chị đang làm ăn tại Thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, nên theo yêu cầu của anh LVP, Tòa án đã thực hiện ủy thác thu thập chứng cứ cho TAND Thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương thực hiện một số biện pháp thu thập chứng cứ đối với chị TTL. Theo đó, TAND thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương đã hướng dẫn chị TTL làm bản tự khai trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị TTL không phản đối gì việc anh LVP làm đơn ly hôn, đồng thời đã viết đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nên căn cứ vào khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án không tiến hành hòa giải, chỉ tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho đương sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, mặc dù vắng mặt chị TTL, nhưng do chị TTL đã có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, thuộc trường hợp bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị TTL.

[2] Về hôn nhân:

Anh LVP và chị TTL kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Yên Định ngày 16/7/2006 nên đây là hôn nhân

hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian rồi phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, hơn nữa thời gian chị TTL đi xuất khẩu lao động dài, vợ chồng sống không gần nhau nên tình cảm phai nhạt dần, vợ chồng không có sự tin tưởng lẫn nhau dẫn đến nhiều xung đột, cãi vã. Chị TTL đã bỏ đi khỏi nhà từ năm 2013, suốt quá trình từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Tại bản tự khai chị TTL cũng đồng ý ly hôn anh LVP, nhưng vì đang làm ăn xa không có điều kiện về Tòa án giải quyết nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho anh LVP được ly hôn chị TTL.

[3] Về con chung: Anh LVP và chị Lương có 02 con chung là cháu LTH, sinh ngày 28/03/2007 và cháu LVH, sinh ngày 29/5/2012. Hiện nay anh LVP đang nuôi cháu Hiệu, chị TTL đang nuôi cháu Hằng.

Để đảm bảo cho các cháu ổn định trong sinh hoạt và học tập, cũng như bảo đảm quyền lợi chính đáng của các bên về việc nuôi dưỡng con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của anh LVP, giao cháu LVH cho anh LVP trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu LTH cho chị TTL trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh LVP phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh LVP được ly hôn chị TTL.

2. Về con chung: Giao cháu LVH, sinh ngày 29/5/2012 cho anh LVP trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Lê Thị Thanh Hằng, sinh ngày 28/3/2007 cho chị TTL trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị TTL và anh LVP có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cấm.

Vì lợi ích của con, các bên đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Anh LVP phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2015/0003231 ngày 11/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. (Anh LVP đã nộp đủ án phí).

4. Về quyền kháng cáo: Anh LVP được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Lương được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS Yên Định;
- Các đương sự;
- UBND xã Y;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Hoàng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Hoàng